

Số: ~~2899~~ / QĐ- UBND

Quảng Trị, ngày 25 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Đề án xác định chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03/12/2012 của Bộ Nội vụ phê duyệt “Đề án xác định chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Trị về phê duyệt Đề án xác định chỉ số cải cách hành chính của các các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn, cụ thể như sau:

Sửa đổi, bổ sung khoản 1, mục III (các lĩnh vực vực, tiêu chí thành phần, thang điểm, phương pháp đánh giá và kết quả xếp loại) tại Đề án như sau:

a. Chỉ số cải cách hành chính cấp sở

Chỉ số cải cách hành chính cấp sở được xác định trên 8 lĩnh vực, 28 tiêu chí và 50 tiêu chí thành phần, cụ thể:

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 05 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần;

- Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật: 3 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần;

- Cải cách thủ tục hành chính: 2 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần;

- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 5 tiêu chí và 3 tiêu chí thành phần;

- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: 4 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần;

- Thực hiện cải cách tài chính công: 2 tiêu chí;
- Hiện đại hóa hành chính: 2 tiêu chí và 6 tiêu chí thành phần;
- Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông: 5 tiêu chí và 2 tiêu chí thành phần.

b. Chỉ số cải cách hành chính UBND cấp huyện

Chỉ số cải cách hành chính cấp sở được xác định trên 8 lĩnh vực, 28 tiêu chí và 55 tiêu chí thành phần, cụ thể:

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 05 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần;
- Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật: 3 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thủ tục hành chính: 2 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 3 tiêu chí và 6 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: 5 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần;
- Thực hiện cải cách tài chính công: 2 tiêu chí;
- Hiện đại hóa hành chính: 2 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần;
- Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông: 6 tiêu chí.

c. Chỉ số cải cách hành chính UBND cấp xã

Chỉ số cải cách hành chính cấp sở được xác định trên 8 lĩnh vực, 27 tiêu chí và 33 tiêu chí thành phần, cụ thể:

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 05 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật: 3 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thủ tục hành chính: 2 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 2 tiêu chí;
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức: 3 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần;
- Thực hiện cải cách tài chính công: 3 tiêu chí;
- Hiện đại hóa hành chính: 3 tiêu chí và 3 tiêu chí thành phần;
- Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông: 6 tiêu chí.

Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của chỉ số cải cách hành chính cấp sở, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được quy định cụ thể tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 và Phụ lục số 03 (đính kèm).

Điều 2. Sở Nội vụ hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức, triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ CCHC (Bộ Nội vụ);
- TTTU, TTHĐND, UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu VT, NC. *m*



Nguyễn Đức Chính



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Sở, ban, ngành tự đánh giá	UBND tỉnh đánh giá		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	18				
1.1	Kế hoạch CCHC năm	5.5				
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC	2				
	<i>Ban hành trước hoặc trong tháng 01 của năm kế hoạch: 2</i>					
	<i>Ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch: 1</i>					
	<i>Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0</i>					
1.1.2	Có kế hoạch triển khai đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Kế hoạch của UBND tỉnh và bố trí kinh phí triển khai	1				
	<i>Có kế hoạch xác định đầy đủ 100% nhiệm vụ và có bố trí kinh phí: 1</i>					
	<i>Có kế hoạch xác định từ 80% đến dưới 100% nhiệm vụ và có bố trí kinh phí triển khai thực hiện: 0.5</i>					
	<i>Có kế hoạch xác định từ 60% đến dưới 80% nhiệm vụ và có bố trí kinh phí triển khai thực hiện: 0.25</i>					
	<i>Có kế hoạch xác định dưới 60% nhiệm vụ, hoặc không bố trí kinh phí thực hiện: 0</i>					
1.1.3	Kết quả đạt được theo hướng dẫn	1				

	<i>Đạt yêu cầu (thực hiện theo nội dung hướng dẫn): 1</i>				
	<i>Không đạt yêu cầu: 0</i>				
1.1.4	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC (Tính tỷ lệ % số kết quả, sản phẩm hoàn thành so với tổng số kết quả, sản phẩm trong kế hoạch đến thời điểm kết thúc năm kế hoạch)	1.5			
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1.5</i>				
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0.5</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>				
1.2	Báo cáo CCHC	3			
1.2.1	Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)	1			
	<i>Đủ số lượng báo cáo: 1</i>				
	<i>Thiếu 1 báo cáo: 0.5</i>				
	<i>Thiếu 2 báo cáo trở lên: 0</i>				
1.2.2	Nội dung báo cáo	1			
	<i>4 báo cáo đủ nội dung yêu cầu: 1</i>				
	<i>3 báo cáo đủ nội dung yêu cầu: 0.5</i>				
	<i>2 báo cáo đủ nội dung yêu cầu: 0</i>				
1.2.3	Thời gian gửi báo cáo	1			
	<i>4 báo cáo gửi đúng thời gian quy định: 1</i>				
	<i>3 báo cáo gửi đúng thời gian quy định: 0.5</i>				
	<i>2 báo cáo gửi đúng thời gian quy định: 0</i>				
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	3.5			
1.3.1	Kế hoạch kiểm tra CCHC đối với các cơ quan, đơn vị thuộc sở, ban, ngành: Phòng, ban, chi cục... có thực hiện nhiệm vụ CCHC (có KHKT riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm)	1			
	<i>Có kế hoạch kiểm tra trên 30% số cơ quan, đơn vị: 1</i>				
	<i>Có kế hoạch kiểm tra từ 20% - 30% số cơ quan, đơn vị: 0.5</i>				

	<i>Có kế hoạch kiểm tra dưới 20% số cơ quan, đơn vị hoặc không có kế hoạch kiểm tra: 0</i>				
1.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra (xác định số đơn vị đã được kiểm tra trên thực tế so với đơn vị trong kế hoạch kiểm tra để tính tỷ lệ %)	1.5			
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1.5</i>				
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0.5</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>				
1.3.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (thông kê trong báo cáo của Đoàn kiểm tra công tác CCHC số lượng vấn đề phát hiện cần xử lý hoặc kiến nghị xử lý)	1			
	<i>Không phát hiện vấn đề nào qua kiểm tra hoặc trên 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>				
	<i>Từ 70% đến dưới 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.75</i>				
	<i>Từ 50% đến dưới 70% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>				
	<i>Dưới 50% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	2			
1.4.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC (Có kế hoạch tuyên truyền CCHC riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm)	1			
	<i>Có kế hoạch: 1</i>				
	<i>Không có kế hoạch: 0</i>				
1.4.2.	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	1			
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0.75</i>				

	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0.5</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>				
1.5	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	4			
1.5.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng (thể hiện trong văn bản bình xét thi đua, khen thưởng của sở, ban, ngành) <i>Có thực hiện: 1</i> <i>Không thực hiện: 0</i>	1			
1.5.2	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC (là những giải pháp, biện pháp, mô hình cách làm mới được áp dụng và đem lại hiệu quả trong thực hiện CCHC năm của sở, ban, ngành) <i>Có 3 sáng kiến trở lên: 3</i> <i>Có 2 sáng kiến 2</i> <i>Có 1 sáng kiến: 1</i> <i>Không có sáng kiến: 0</i>	3			
2	THAM MƯU XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	12			
2.1.	Tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ban ngành theo kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được UBND tỉnh phê duyệt	4			
2.1.1.	Mức độ thực hiện kế hoạch xây dựng VBQPPL của ngành theo kế hoạch hàng năm của tỉnh đã được phê duyệt <i>Thực hiện trên 80% kế hoạch hoặc trong kế hoạch UBND tỉnh không có: 2</i> <i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 1.5</i> <i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 1</i> <i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>	2			

2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL (đôi chiếu với các quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND, quy định của Trung ương và của UBND tỉnh). <i>Đúng quy định: 2</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	2				
2.2	Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	3				
2.2.1	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL <i>Ban hành trước hoặc trong tháng 01 của năm kế hoạch: 1</i> <i>Ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0.5</i> <i>Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0</i>	1				
2.2.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL <i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i> <i>Hoàn thành từ 70 đến dưới 100% kế hoạch: 0.5</i> <i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>	1				
2.2.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả rà soát (thông qua rà soát phát hiện những văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực, văn bản hết hiệu lực, văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ..., từ đó xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xử lý). <i>Qua rà soát không có sai sót hoặc có sai sót nhưng đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% theo đúng quy định của Nhà nước: 1</i> <i>Rà soát có sai sót nhưng đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý từ 70 đến dưới 100% kế hoạch: 0.5</i> <i>Rà soát có sai sót nhưng đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý dưới 70% kế hoạch: 0</i>	1				

2.3	Tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện VBQPPL do TW, UBND tỉnh ban hành thuộc phạm vi lĩnh vực sở, ban, ngành quản lý	5				
2.3.1	Tổ chức triển khai thực hiện	2				
	<i>Trên 80% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 2</i>					
	<i>Từ 70% - 80% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 1.5</i>					
	<i>Từ 50% - dưới 70% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 1</i>					
	<i>Dưới 50% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 0</i>					
2.3.2	Ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện VBQPPL	1				
	<i>Có ban hành: 1</i>					
	<i>Không ban hành: 0</i>					
2.3.3	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1				
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>					
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0.75</i>					
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0.5</i>					
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>					
2.3.4	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (qua kiểm tra, thống kê số lượng vấn đề phát hiện cần xử lý hoặc kiến nghị xử lý)	1				
	<i>Không phát hiện vấn đề nào qua kiểm tra hoặc trên 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>					
	<i>Từ 70%-80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.75</i>					
	<i>Từ 50-dưới 70% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5</i>					
	<i>Dưới 50% các vấn đề qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>					

3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	11				
3.1	Rà soát, đánh giá, cập nhật thủ tục hành chính	7				
3.1.1	Ban hành kế hoạch công tác kiểm soát TTHC của sở, ban, ngành (có kế hoạch riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC)	1				
	<i>Ban hành trước hoặc trong tháng 1 của năm kế hoạch: 1</i>					
	<i>Ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 năm kế hoạch: 0.5</i>					
	<i>Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31/3 năm kế hoạch: 0</i>					
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1				
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>					
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0.75</i>					
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0.5</i>					
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>					
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1				
	<i>Qua rà soát không phát hiện có vấn đề cần xử lý hoặc phát hiện và đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo thẩm quyền: 1</i>					
	<i>Không đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan: 0</i>					
3.1.4	Cập nhật TTHC theo quy định của Trung ương trình UBND tỉnh công bố	1				
	<i>Cập nhật, công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan: 1</i>					
	<i>Cập nhật, công bố không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0</i>					
3.1.5	Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành	1	Page 7			

	Thực hiện đầy đủ quy định của Trung ương, UBND tỉnh: 1				
	Không thực hiện đầy đủ các quy định của Trung ương, UBND tỉnh: 0				
3.1.6	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	2			
	Không nhận được phản ánh, kiến nghị nào hoặc trên 80% các phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 2				
	Từ 70%-80% các phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1				
	Từ 50%-70% các phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5				
	Dưới 50% các phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0				
3.2	Công khai thủ tục hành chính, báo cáo thủ tục hành chính	4			
3.2.1	Niên yết công khai TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định	2			
	Trên 80% số TTHC: 2				
	Từ 70% - 80% số TTHC: 1.5				
	Từ 50% - dưới 70% số TTHC: 1				
	Dưới 50% số TTHC: 0				
3.2.2	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của sở, ban, ngành	2			
	Trên 80% số TTHC: 1				
	Từ 70% - 80% số TTHC: 0.75				
	Từ 50% - dưới 70% số TTHC: 0.5				
	Dưới 50% số TTHC: 0				
3.2.3	Chế độ thông tin báo cáo TTHC (báo cáo 2 lần: 6 tháng và cuối năm): 1 điểm	1	Page 8		

	<i>Đúng thời gian quy định, đủ số lượng và đầy đủ nội dung theo yêu cầu: 1 điểm</i>				
	<i>Chậm thời gian quy định, hoặc thiếu 01 báo cáo: 0.5 điểm</i>				
	<i>Không báo cáo: 0 điểm</i>				
4	CÁI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	13			
4.1	Tuân thủ các quy định của Trung ương và UBND tỉnh về tổ chức bộ máy	2			
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 2</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0</i>				
4.2	Rà soát, ban hành theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban, chi cục và đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo quy định	3			
	<i>100% số phòng, ban, đơn vị: 3 điểm</i>				
	<i>Từ 70%- dưới 100% số, phòng, ban, đơn vị: 2</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số phòng, ban, đơn vị: 1</i>				
	<i>Dưới 50% số phòng, ban, đơn vị: 0</i>				
4.3	Thực hiện các quy định về biên chế được giao	1			
	<i>Sử dụng đúng biên chế được giao: 1</i>				
	<i>Sử dụng không đúng: 0</i>				
4.4	Thực hiện phân cấp quản lý	5			
4.4.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Trung ương, UBND tỉnh ban hành	1.5			
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 1.5</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>				
4.4.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp	1.5			
	<i>Có thực hiện: 1.5</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				

4.4.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (qua kiểm tra, thống kê số lượng các vấn đề tồn tại, vướng mắc trong thực hiện phân cấp cần phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý)	2				
	<i>Không có sai phạm nào qua kiểm tra hoặc 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 2</i>					
	<i>Từ 80% đến dưới 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1.5</i>					
	<i>Từ 70% đến dưới 80% các các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>					
	<i>Từ 50% đến dưới 70% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5</i>					
	<i>Dưới 50% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>					
4.5	Ban hành quy chế làm việc của sở, ban, ngành	2				
	<i>Có ban hành: 2</i>					
	<i>Không ban hành: 0</i>					
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	18				
5.1	Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	6				
5.1.1	Tỷ lệ phòng, ban, chi cục, đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ban ngành có cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	3				
	<i>100% số cơ quan, đơn vị: 3</i>					
	<i>Từ 80% đến dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 2</i>					
	<i>Từ 60% đến dưới 80% số cơ quan, đơn vị: 1</i>					
	<i>Dưới 60% số cơ quan, đơn vị: 0</i>					

5.1.2	Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	3				
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 3</i>					
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 2</i>					
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 1</i>					
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 0</i>					
5.2	Bố trí sử dụng công chức, viên chức (tỷ lệ các phòng, ban, chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện bố trí CCVC theo đúng quy định của vị trí việc làm và ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp)	3				
	<i>Trên 80% số phòng, ban, chi cục, đơn vị sự nghiệp: 3</i>					
	<i>Từ 70% - 80% số phòng, ban, chi cục, đơn vị sự nghiệp: 2</i>					
	<i>Từ 50% - dưới 70% số phòng, ban, chi cục, đơn vị sự nghiệp: 1</i>					
	<i>Dưới 50% số số phòng, ban, chi cục, đơn vị sự nghiệp: 0</i>					
5.3	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	5				
5.3.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm của sở, ban, ngành	2				
	<i>Ban hành trước hoặc trong tháng 01 của năm kế hoạch): 2.</i>					
	<i>Ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch): 1</i>					

	<i>Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31/3 năm kế hoạch: 0</i>				
5.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của sở, ban, ngành (kể cả các lớp được UBND tỉnh giao) <i>Thực hiện 100% kế hoạch: 2</i> <i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch: 1.5</i> <i>Thực hiện từ 60% đến dưới 80% kế hoạch: 1</i> <i>Thực hiện từ 50% đến dưới 60% kế hoạch: 0.5</i> <i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>	2			
5.3.3	Thực hiện các lớp bồi dưỡng theo kế hoạch được giao: 1 <i>Thực hiện đầy đủ 100%: 1</i> <i>Thực hiện từ 70% đến dưới 100% kế hoạch: 0.5</i> <i>Thực hiện dưới 70% : 0</i>	1			
5.4	Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức	4			
5.4.1	Cập nhật đầy đủ thông tin cán bộ, công chức, viên chức trên hệ thống thông tin cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh <i>Cập nhật đầy đủ: 1</i> <i>Cập nhật không đầy đủ: 0</i>	3			
5.4.2	Đánh giá công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao <i>Có thực hiện: 1</i> <i>Không thực hiện: 0</i>	1			
6	THỰC HIỆN CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	3			
6.1	Triển khai thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính và giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo quy định của Chính phủ <i>Có triển khai thực hiện: 2</i>	2			

	<i>Không triển khai thực hiện: 0</i>				
6.2	Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc	1			
	<i>Có ban hành: 1</i>				
	<i>Không ban hành: 0</i>				
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	14			
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin của sở, ban, ngành	11			
7.1.1	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT của sở, ban, ngành	1			
	<i>Ban hành trước hoặc trong tháng 01 của năm kế hoạch: 1</i>				
	<i>Ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0.5</i>				
	<i>Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31/3 năm kế hoạch: 0</i>				
7.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT của sở, ban, ngành	2			
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch: 2</i>				
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch: 1.5</i>				
	<i>Thực hiện từ 60% đến dưới 80% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 60% kế hoạch: 0.5</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>				
7.1.3	Ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	2			
	<i>Đã triển khai và ứng dụng trong quản lý, điều hành: 2</i>				
	<i>Đã triển khai nhưng chưa ứng dụng trong quản lý, điều hành: 1</i>				
	<i>Chưa triển khai: 0</i>				
7.1.4	Tỷ lệ công chức, viên chức sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	1			
	<i>Trên 90% công chức, viên chức: 1</i>				
	<i>Từ 70% - 90% công chức, viên chức: 0.75</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% công chức, viên chức: 0.5</i>				

	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 0</i>				
7.1.5	Sở, ban, ngành có Công / Trang thông tin điện tử <i>Có Công / Trang thông tin điện tử: 1</i> <i>Không có Công / Trang thông tin điện tử: 0</i>	1			
7.1.6	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	4			
	<i>Tất cả dịch vụ công đều được cung cấp trực tuyến ở mức độ 2: 1</i>				
	<i>Có 2 dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3: được cộng thêm 1</i>				
	<i>Có từ 4 dịch vụ công trở lên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3: được cộng thêm 2</i>				
	<i>Có 2 dịch vụ công trực tuyến trở lên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4: được cộng thêm 1</i>				
7.2	Áp dụng ISO trong hoạt động của các cơ quan hành chính	3			
	<i>Toàn bộ TTHC được cụ thể hóa bằng quy trình ISO để áp dụng thực hiện, có đánh giá cải tiến hàng năm: 3</i>				
	<i>Trên 50% TTHC được cụ thể hóa bằng quy trình ISO để áp dụng thực hiện, có đánh giá cải tiến hàng năm: 2</i>				
	<i>Đã áp dụng, chưa đánh giá cải tiến hàng năm: 1</i>				
	<i>Chưa áp dụng: 0</i>				
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	11			
8.1	Bố trí địa điểm, trang thiết bị cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	4			
	<i>Đảm bảo đúng quy định: 4</i>				
	<i>Bố trí chưa đầy đủ: 2</i>				
	<i>Không bố trí: 0</i>				

PHỤ LỤC SỐ 02
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN
 (Kèm theo Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Cấp huyện tự đánh giá	UBND tỉnh đánh giá		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	16				
1.1	Kế hoạch CCHC năm	4.5				
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC	1				
	<i>Ban hành trước hoặc trong tháng 01 của năm kế hoạch: 1</i>					
	<i>Ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0.5</i>					
	<i>Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0</i>					
1.1.2	Có kế hoạch triển khai đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Kế hoạch của UBND tỉnh và bố trí kinh phí triển khai	1				
	<i>Có kế hoạch xác định đầy đủ 100% nhiệm vụ và có bố trí kinh phí: 1</i>					
	<i>Có kế hoạch xác định từ 80% đến dưới 100% nhiệm vụ và có bố trí kinh phí triển khai thực hiện: 0.5</i>					
	<i>Có kế hoạch xác định từ 60% đến dưới 80% nhiệm vụ và có bố trí kinh phí triển khai thực hiện: 0.25</i>					
	<i>Có kế hoạch xác định dưới 60% nhiệm vụ, hoặc không bố trí kinh phí thực hiện: 0</i>					
1.1.3	Kết quả đạt được theo hướng dẫn	1				

	Đạt yêu cầu (thực hiện theo nội dung hướng dẫn): 1				
	Không đạt yêu cầu: 0				
1.1.4	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC (Tính tỷ lệ % số kết quả, sản phẩm hoàn thành so với tổng số kết quả, sản phẩm trong kế hoạch đến thời điểm kết thúc năm kế hoạch)	1.5			
	Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1.5				
	Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 1				
	Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0.5				
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0				
1.2	Báo cáo CCHC	2			
1.2.1	Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)	1			
	Đủ số lượng báo cáo: 1				
	Thiếu 1 báo cáo 0.5				
	Thiếu 2 báo cáo trở lên 0				
1.2.2	Nội dung báo cáo	0.5			
	4 báo cáo đủ đúng nội dung: 0.5				
	3 báo cáo đủ đúng nội dung: 0.25				
	2 báo cáo đủ nội dung: 0				
1.2.3	Thời gian báo cáo	0.5			
	4 báo cáo gửi đúng thời gian quy định: 0.5				
	3 báo cáo gửi đúng thời gian quy định: 0.25				
	2 báo cáo gửi đúng thời gian: 0				
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	3.5			
1.3.1	Kế hoạch kiểm tra CCHC đối với các cơ quan chuyên môn cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã (có KHKT riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm)	1			
	Có kế hoạch kiểm tra trên 30% số cơ quan, đơn vị: 1				
	Có kế hoạch kiểm tra từ 20% - 30% số cơ quan, đơn vị: 0.5				

	<i>Có kế hoạch kiểm tra dưới 20% số cơ quan, đơn vị hoặc không có kế hoạch kiểm tra: 0</i>					
1.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra (xác định số đơn vị đã được kiểm tra trên thực tế so với đơn vị trong kế hoạch kiểm tra để tính tỷ lệ %) <i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1.5</i> <i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 1</i> <i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0.5</i> <i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>	1.5				
1.3.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (thống kê trong báo cáo của Đoàn kiểm tra công tác CCHC số lượng vấn đề phát hiện cần xử lý hoặc kiến nghị xử lý) <i>Không phát hiện vấn đề nào qua kiểm tra hoặc trên 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i> <i>Từ 70%- 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.75</i> <i>Từ 50%-dưới 70% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5</i> <i>Dưới 50% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>	1				
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	2				
1.4.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC (có kế hoạch tuyên truyền CCHC riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm) <i>Có kế hoạch: 1</i> <i>Không có kế hoạch: 0</i>	1				
1.4.2.	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC <i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i> <i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0.75</i> <i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0.5</i> <i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>	1				
1.5	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	4				

1.5.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng (thể hiện trong văn bản bình xét thi đua, khen thưởng của cấp huyện)	1				
	<i>Có thực hiện: 1</i>					
	<i>Không thực hiện: 0</i>					
1.5.2	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC (là những giải pháp, biện pháp, mô hình cách làm mới được áp dụng và đem lại hiệu quả trong thực hiện CCHC năm của huyện): 3	3				
	<i>Có 3 sáng kiến trở lên: 3</i>					
	<i>Có 2 sáng kiến 2</i>					
	<i>Có 1 sáng kiến: 1</i>					
	<i>Không có sáng kiến: 0</i>					
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	9.5				
2.1.	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL (đôi chiếu với các quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND, quy định của Trung ương và của UBND tỉnh).	2				
	<i>Đúng quy định: 2</i>					
	<i>Không đúng quy định: 0</i>					
2.2	Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	3				
2.2.1	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1				
	<i>Ban hành trước hoặc trong tháng 01 của năm kế hoạch: 1</i>					
	<i>Ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0.5</i>					
	<i>Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0</i>					
2.2.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1				
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>					
	<i>Hoàn thành từ 70 đến dưới 100% kế hoạch: 0.5</i>					

	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>				
2.2.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả rà soát (thông qua rà soát phát hiện những văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực, văn bản hết hiệu lực, văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ..., từ đó xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xử lý).	1			
	<i>Qua rà soát không có sai sót hoặc có sai sót nhưng đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% theo đúng quy định của Nhà nước: 1</i>				
	<i>Rà soát có sai sót nhưng đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý từ 70 đến dưới 100% kế hoạch: 0.5</i>				
	<i>Rà soát có sai sót nhưng đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý dưới 70% kế hoạch: 0</i>				
2.3	Tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện VBQPPL do TW, UBND tỉnh ban hành trên các lĩnh vực quản lý nhà nước mà UBND cấp huyện phải thực hiện	4.5			
2.3.1	Tổ chức triển khai thực hiện	1.5			
	<i>Trên 80% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 1.5</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 1</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 0.5</i>				
	<i>Dưới 50% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 0</i>				
2.3.2	Ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện VBQPPL	1			
	<i>Ban hành kịp thời (ban hành trước hoặc trong tháng 01 của năm kế hoạch): 1</i>				
	<i>Ban hành không kịp thời (ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch): 0.5</i>				

	Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0				
2.3.3	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1 Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0.75 Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0.5 Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0	1			
2.3.4	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (qua kiểm tra, thống kê số lượng vấn đề phát hiện cần xử lý hoặc kiến nghị xử lý) Không phát hiện vấn đề nào qua kiểm tra hoặc trên 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 Từ 70%-80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.75 Từ 50-dưới 70% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5 Dưới 50% các vấn đề qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0	1			
3	CAI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	13			
3.1	Rà soát, đánh giá, cập nhật thủ tục hành chính	7			
3.1.1	Ban hành kế hoạch công tác kiểm soát TTHC cấp huyện (có kế hoạch riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC) Ban hành trước hoặc trong tháng 1 của năm kế hoạch: 1.5 Ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 năm kế hoạch: 1 Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31/3 năm kế hoạch: 0	1.5			
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch Thực hiện trên 80% kế hoạch: 2 Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 1 Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0.5 Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0	2			

3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1				
	<i>Qua rà soát không phát hiện có vấn đề cần xử lý hoặc phát hiện và đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo thẩm quyền: 1</i>					
	<i>Không đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan : 0</i>					
3.1.4	Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	1				
	<i>Thực hiện đầy đủ quy định của Trung ương, UBND tỉnh: 1</i>					
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định của Trung ương, UBND tỉnh: 0</i>					
3.1.5	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	1.5				
	<i>Không nhận được phản ánh, kiến nghị nào hoặc trên 80% các phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1.5</i>					
	<i>Từ 70%-80% các phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>					
	<i>Từ 50%-70% các phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5</i>					
	<i>Dưới 50% các phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>					
3.2	Công khai thủ tục hành chính, báo cáo thủ tục hành chính	6				
3.2.1	Niên yết công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện đã được UBND tỉnh công bố theo quy định tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định	2				
	<i>Trên 80% số TTHC: 2</i>					

	<i>Từ 70% - 80% số TTHC: 1.5</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số TTHC: 1</i>				
	<i>Dưới 50% số TTHC: 0</i>				
3.2.2	Tỷ lệ UBND cấp xã công khai đầy đủ, đúng quy định TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2			
	<i>Trên 80% số xã: 2</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số xã: 1</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số xã: 0.5</i>				
	<i>Dưới 50% số xã: 0</i>				
3.2.3	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của huyện: 1	1			
	<i>Trên 80% số TTHC: 1</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số TTHC: 0.75</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số TTHC: 0.5</i>				
	<i>Dưới 50% số TTHC: 0</i>				
3.2.3	Chế độ thông tin báo cáo TTHC (báo cáo 2 lần: 6 tháng và cuối năm): 1 điểm	1			
	<i>Đúng thời gian quy định, đủ số lượng và đầy đủ nội dung theo yêu cầu: 1 điểm</i>				
	<i>Chậm thời gian quy định, hoặc thiếu 01 báo cáo: 0.5 điểm</i>				
	<i>Không báo cáo: 0 điểm</i>				
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	12			
4.1	Tuân thủ các quy định của Trung ương và UBND tỉnh về tổ chức bộ máy (UBND huyện, UBND xã, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo đúng quy định)	3			
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 3</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0</i>				

4.2	Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	5				
4.2.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra	2				
	<i>Có kế hoạch kiểm tra từ trên 30% số cơ quan, đơn vị: 2</i>					
	<i>Có kế hoạch kiểm tra từ 20% - 30% số cơ quan, đơn vị: 1</i>					
	<i>Có kế hoạch kiểm tra dưới 20% số cơ quan, đơn vị hoặc không có kế hoạch kiểm tra: 0</i>					
4.2.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	2				
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 2</i>					
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 1</i>					
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0.5</i>					
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>					
4.2.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (qua kiểm tra, thống kê số lượng các vấn đề cần xử lý hoặc kiến nghị xử lý)	1				
	<i>Không có sai phạm nào qua kiểm tra hoặc trên 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>					
	<i>Từ 70% đến dưới 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.75</i>					
	<i>Từ 50% đến dưới 70% các các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5</i>					
	<i>Từ dưới 70% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>					
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	4				
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp, ủy quyền do Trung ương, UBND tỉnh ban hành	1.5				
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 1.5</i>					
	<i>Thực hiện không đầy đủ các quy định: 0</i>					

4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp <i>Có thực hiện: 1.5</i> <i>Không thực hiện: 0</i>	1.5				
4.3.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (qua kiểm tra, thống kê số lượng các vấn đề tồn tại, vướng mắc trong thực hiện phân cấp cần phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý) <i>Không có sai phạm nào qua kiểm tra hoặc trên 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i> <i>Từ 70% đến dưới 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.75</i> <i>Từ 50% đến dưới 70% các các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5</i> <i>Từ dưới 70% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>	1				
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	20				
5.1	Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	5				
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện có cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt <i>100% số cơ quan, đơn vị: 1.5</i> <i>Từ 80% đến dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 1</i> <i>Từ 60% đến dưới 80% số cơ quan, đơn vị: 0.5</i> <i>Dưới 60% số cơ quan, đơn vị: 0</i>	1.5				
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt <i>100% số cơ quan, đơn vị: 1.5</i>	1.5				

	<i>Từ 80% đến dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 1</i>				
	<i>Từ 60% đến dưới 80% số cơ quan, đơn vị: 0.5</i>				
	<i>Dưới 60% số cơ quan, đơn vị: 0</i>				
5.1.3	Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	2			
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 2</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 1.5</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 1</i>				
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 0</i>				
5.2	Tuyển dụng và bố trí sử dụng công chức, viên chức	4			
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức, viên chức của Trung ương, UBND tỉnh	1			
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>				
5.2.2	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp huyện thực hiện bố trí công chức theo đúng quy định về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức	1.5			
	<i>Trên 80% số cơ quan: 1.5</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan: 1</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan: 0.5</i>				
	<i>Dưới 50% số cơ quan: 0</i>				
5.2.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện thực hiện bố trí viên chức theo đúng quy định về vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp	1.5			
	<i>Trên 80% số cơ quan: 1.5</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan: 1</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan: 0.5</i>				
	<i>Dưới 50% số cơ quan: 0</i>				

5.3	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	4				
5.3.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm của huyện <i>Ban hành trước hoặc trong tháng 01 của năm kế hoạch): 2</i> <i>Ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch): 1</i> <i>Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31/3 năm kế hoạch: 0</i>	2				
5.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của huyện <i>Thực hiện 100% kế hoạch: 2</i> <i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch: 1.5</i> <i>Thực hiện từ 60% đến dưới 80% kế hoạch: 1</i> <i>Thực hiện từ 50% đến dưới 60% kế hoạch: 0.5</i> <i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>	2				
5.4	Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức	4				
5.4.1	Cập nhật đầy đủ thông tin cán bộ, công chức, viên chức trên hệ thống thông tin cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh: 3 <i>Cập nhật đầy đủ theo Quy chế: 3</i> <i>Cập nhật không đầy đủ: 0</i>	3				
5.4.2	Đánh giá công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao <i>Có thực hiện: 1</i> <i>Không thực hiện: 0</i>	1				
5.5	Cán bộ, công chức cấp xã	3				
5.5.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã <i>100% công chức đạt chuẩn: 1</i> <i>Từ 70% đến dưới 100% công chức đạt chuẩn: 0.75</i> <i>Từ 50% - dưới 70% công chức đạt chuẩn: 0.5</i> <i>Dưới 50% công chức đạt chuẩn: 0</i>	1				

5.5.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã <i>Trên 90% cán bộ đạt chuẩn: 1</i> <i>Từ 70% cán bộ đạt chuẩn: 0.75</i> <i>Từ 50% - 70% cán bộ đạt chuẩn: 0.5</i> <i>Dưới 50% cán bộ đạt chuẩn: 0</i>	1				
5.5.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm <i>Trên 70% cán bộ, công chức: 1</i> <i>Từ 50%- 70% cán bộ, công chức: 0.5</i> <i>Dưới 50% số cán bộ, công chức: 0</i>	1				
6	THỰC HIỆN CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	3.5				
6.1	Triển khai thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính theo quy định của Chính phủ <i>100% cơ quan triển khai thực hiện: 2</i> <i>Dưới 100% cơ quan triển khai thực hiện: 0</i>	2				
6.2	Tỷ lệ đơn vị công lập thuộc UBND cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định <i>Trên 80% đơn vị: 1.5</i> <i>Từ 70% - 80% đơn vị: 1</i> <i>Từ 50% - dưới 70% đơn vị: 0.5</i> <i>Dưới 50% đơn vị: 0</i>	1.5				
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	12				
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin của UBND cấp huyện	10				
7.1.1	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT của cấp <i>Ban hành trước hoặc trong tháng 01 của năm kế hoạch: 1</i> <i>Ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0.5</i> <i>Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31/3 năm kế hoạch: 0</i>	1				

7.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT của huyện	1.5			
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1.5</i>				
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0.5</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>				
7.1.3	Tỷ lệ các cơ quan chuyên môn cấp huyện triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	2			
	<i>Trên 80% cơ quan triển khai ứng dụng: 2</i>				
	<i>Từ 70% - 80% cơ quan triển khai ứng dụng: 1.5</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% cơ quan triển khai ứng dụng: 1</i>				
	<i>Dưới 50% cơ quan triển khai ứng dụng: 0</i>				
7.1.4	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp huyện và đơn vị hành chính cấp xã sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	1.5			
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 1.5</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 1</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 0.5</i>				
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 0</i>				
7.1.5	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2.5			
	<i>Tất cả dịch vụ công đều được cung cấp trực tuyến ở mức độ 2: 0.5</i>				
	<i>Có 2 dịch vụ công trở lên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3: được cộng thêm 1</i>				
	<i>Có 2 dịch vụ công trở lên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4: 1</i>				
7.1.6	Huyện có Công/Trang thông tin điện tử	1			
	<i>Có Công / Trang thông tin điện tử: 1</i>				
	<i>Không có Công / Trang thông tin điện tử: 0</i>				
7.1.7	Tỷ lệ số cấp xã thuộc UBND cấp huyện có Công/Trang thông tin điện tử	0.5			
	<i>Từ 50% số cấp xã trở lên: 0.5</i>				
	<i>Dưới 50% số cấp xã :0</i>				

7.2	Áp dụng ISO vào hoạt động của UBND cấp huyện	2				
	<i>Áp dụng đầy đủ lĩnh vực theo quy định: 2</i>					
	<i>Áp dụng từ 2/3 lĩnh vực theo quy định: 1</i>					
	<i>Áp dụng dưới 2/3 lĩnh vực theo quy định: 0</i>					
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	14				
8.1	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	3				
	<i>100% số đơn vị: 3</i>					
	<i>70- dưới 100% số đơn vị: 2</i>					
	<i>Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 1</i>					
	<i>Dưới 50% số đơn vị: 0</i>					
8.2	Ban hành quy chế hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	3				
	<i>Có ban hành: 3</i>					
	<i>Không ban hành: 0</i>					
8.3	Bố trí địa điểm, trang thiết bị cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	3				
	<i>Bố trí đảm bảo đúng quy định: 3</i>					
	<i>Bố trí chưa đầy đủ: 2</i>					
	<i>Không bố trí: 0</i>					
8.4	Thực hiện chế độ phụ cấp đối với CBCC làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định	1				
	<i>Đã thực hiện: 1</i>					
	<i>Chưa thực hiện: 0</i>					
8.5	Kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Tỷ lệ trả Kết quả giải quyết TTHC đúng và trước hẹn)	2				
	<i>Đạt 100%: 2</i>					
	<i>Từ 71%- 99%: 1.5</i>					
	<i>Từ 61%- 70%: 1</i>					
	<i>Từ 50% - 60%: 0.5</i>					
	<i>Dưới 50%: 0</i>					

8.6	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2				
	Đạt 100%: 2					
	Từ 71%- 99%: 1.5					
	Từ 61%- 70%: 1					
	Từ 50% - 60%: 0.5					
	Dưới 50%: 0					
		Tổng điểm tối đa	Tổng điểm đánh			
			Tự đánh giá	UBND tỉnh đánh giá		
		100				

PHỤ LỤC SỐ 03
CHỈ SỐ CÀI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
 (Kèm theo Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			UBND cấp xã tự đánh giá	UBND cấp huyện đánh giá		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	15				
1.1	Kế hoạch CCHC năm	4.5				
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC	1				
	<i>Ban hành trước hoặc trong tháng 01 của năm kế hoạch: 1</i>					
	<i>Ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0.5</i>					
	<i>Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0</i>					
1.1.2	Có kế hoạch triển khai đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Kế hoạch của UBND tỉnh và bố trí kinh phí triển khai	1				
	<i>Có kế hoạch xác định đầy đủ 100% nhiệm vụ và có bố trí kinh phí: 1</i>					
	<i>Có kế hoạch xác định từ 80% đến dưới 100% nhiệm vụ và có bố trí kinh phí triển khai thực hiện: 0.5</i>					
	<i>Có kế hoạch xác định từ 60% đến dưới 80% nhiệm vụ và có bố trí kinh phí triển khai thực hiện: 0.25</i>					
	<i>Có kế hoạch xác định dưới 60% nhiệm vụ, hoặc không bố trí kinh phí thực hiện: 0</i>					

1.1.3	Kết quả đạt được theo hướng dẫn <i>Đạt yêu cầu (thực hiện theo nội dung hướng dẫn):</i> 1 <i>Không đạt yêu cầu: 0</i>	1				
1.1.4	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC (Tính tỷ lệ % số kết quả, sản phẩm hoàn thành so với tổng số kết quả, sản phẩm trong kế hoạch đến thời điểm kết thúc năm kế hoạch) <i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1.5</i> <i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 1</i> <i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0.5</i> <i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>	1.5				
1.2	Báo cáo CCHC	3				
1.2.1	Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm) <i>Đủ số lượng báo cáo: 1</i> <i>Thiếu 1 báo cáo: 0.75</i> <i>Thiếu 2 báo cáo: 0.5</i> <i>Thiếu 3 báo cáo trở lên: 0</i>	1				
1.2.2	Nội dung báo cáo <i>4 báo cáo đủ nội dung yêu cầu: 1</i> <i>3 báo cáo đủ nội dung yêu cầu: 0.5</i> <i>2 báo cáo đủ nội dung yêu cầu: 0</i>	1				
1.2.3	Thời gian gửi báo cáo <i>4 báo cáo gửi đúng thời gian quy định: 1</i> <i>3 báo cáo gửi đúng thời gian quy định: 0.5</i> <i>2 báo cáo gửi đúng thời gian quy định: 0</i>	1				
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	1				
	<i>Xây dựng kế hoạch kiểm tra, tổ chức kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra (xử lý các vấn đề kiểm tra) lên huyện: 1</i> <i>Không xây dựng kế hoạch kiểm tra nhưng có tổ chức kiểm tra và báo cáo kết quả lên huyện: 0.5</i>					

	<i>Không xây dựng kế hoạch kiểm tra, không tổ chức kiểm tra: 0</i>				
1.4	Công tác tuyên truyền hoặc phối hợp tuyên truyền về CCHC	2.5			
1.4.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC (có kế hoạch tuyên truyền CCHC riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm) <i>Có kế hoạch: 1</i> <i>Không có kế hoạch: 0</i>	1			
1.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC <i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1.5</i> <i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 1</i> <i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0.5</i> <i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>	1.5			
1.5	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	4			
1.5.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng (thể hiện trong văn bản bình xét thi đua, khen thưởng của cấp xã) <i>Có thực hiện: 1</i> <i>Không thực hiện: 0</i>	1			
1.5.2	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC (là những giải pháp, biện pháp, mô hình cách làm mới được áp dụng và đem lại hiệu quả trong thực hiện CCHC năm của cấp xã) <i>Có 3 sáng kiến trở lên: 3</i> <i>Có 2 sáng kiến: 2</i> <i>Có 1 sáng kiến: 1</i> <i>Không có sáng kiến: 0</i>	3			
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	10			
2.1	Xây dựng và ban hành VBQPPL của UBND cấp xã	3			
2.1.1	Kế hoạch xây dựng VBQPPL UBND cấp xã	1			

	<i>Có ban hành kế hoạch: 1</i>				
	<i>Không ban hành kế hoạch: 0</i>				
2.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1			
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 50 đến 80% kế hoạch: 0.5</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>				
2.1.3	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL (đối chiếu với các quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND, quy định của Trung ương và của UBND tỉnh)	1			
	<i>Đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không đúng quy định 0</i>				
2.2	Thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	3			
2.2.1	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống VBQPPL (kế hoạch riêng hoặc nằm trong kế hoạch chung CCHC của xã): 1 (mới bổ sung)	1			
	<i>Ban hành trước hoặc trong tháng 01 của năm kế hoạch: 1</i>				
	<i>Ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0.5</i>				
	<i>Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0</i>				
	2.2.2. Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Hoàn thành từ 70 đến dưới 100% kế hoạch: 0.5</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>				
2.2.2	Kiến nghị, xử lý kết quả rà soát	1			
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>				

	<i>Không thực hiện, hoặc thực hiện không đúng quy định: 0</i>				
2.3	Tổ chức triển khai văn bản QPPL của cấp trên tại cấp xã (đánh giá tỷ lệ % số văn bản QPPL được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định so với tổng số văn bản QPPL do cấp trên ban hành mà xã phải thực hiện)	4			
	<i>Trên 80% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 4</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 3</i>				
	<i>Từ 60% - dưới 70% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 2</i>				
	<i>Từ 50%- dưới 60% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 1</i>				
	<i>Dưới 50% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 0</i>				
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	12			
3.1	Rà soát, đánh giá, cập nhật thủ tục hành chính	8			
3.1.1	Ban hành kế hoạch công tác kiểm soát TTHC cấp xã (có kế hoạch riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC)	1			
	<i>Ban hành trước hoặc trong tháng 1 của năm kế hoạch: 1</i>				
	<i>Ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 năm kế hoạch: 0.5</i>				
	<i>Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31/3 năm kế hoạch: 0</i>				
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1			
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 60% - 80% kế hoạch: 0.5</i>				
	<i>Thực hiện dưới 60% kế hoạch: 0</i>				
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	2			

	<i>Qua rà soát không phát hiện có vấn đề cần xử lý hoặc phát hiện và đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan: 2</i>				
	<i>Không đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan : 0</i>				
3.1.4	Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	2			
	<i>Thực hiện đầy đủ quy định của Trung ương, UBND tỉnh, UBND cấp huyện: 2</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định của Trung ương, UBND tỉnh, UBND cấp huyện: 0</i>				
3.1.5	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	2			
	<i>Không nhận được phản ánh, kiến nghị nào hoặc trên 80% các phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 2</i>				
	<i>Từ 70%-80% các phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1.5</i>				
	<i>Từ 50%-70% các phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>				
	<i>Dưới 50% các phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
3.2	Công khai thủ tục hành chính, báo cáo thủ tục hành chính	4			
3.2.1	Niêm yết công khai TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định: 2	2			
	<i>Trên 80% số TTHC: 2</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số TTHC: 1.5</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số TTHC: 1</i>				
	<i>Dưới 50% số TTHC: 0</i>				

3.2.2	Chế độ thông tin báo cáo TTHC (báo cáo 2 lần: 6 tháng và cuối năm)	2			
	<i>Đúng thời gian quy định, đủ số lượng và đầy đủ nội dung theo yêu cầu: 2</i>				
	<i>Chậm thời gian quy định, hoặc thiếu 01 báo cáo: 1</i>				
	<i>Không báo cáo: 0</i>				
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	7			
4.1	Ban hành Quy chế làm việc của UBND cấp xã	4			
	<i>Đã ban hành: 4</i>				
	<i>Chưa ban hành: 0</i>				
4.2	Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, công chức cấp xã	3			
	<i>Có ban hành quyết định phân công: 3</i>				
	<i>Không có ban hành quyết định phân công: 0</i>				
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC	20			
5.1	Bố trí sử dụng cán bộ, công chức cấp xã	9			
5.1.1	Bố trí cán bộ, công chức phù hợp với trình độ chuyên môn theo quy định của pháp luật	3			
	<i>Trên 80% cán bộ, công chức bố trí phù hợp với trình độ chuyên môn: 3</i>				
	<i>Từ 70% - 80% cán bộ, công chức bố trí phù hợp với trình độ chuyên môn: 2</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% cán bộ, công chức bố trí phù hợp với trình độ chuyên môn: 1</i>				
	<i>Dưới 50% cán bộ, công chức bố trí phù hợp với trình độ chuyên môn: 0</i>				
5.1.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	3			
	<i>Trên 90% công chức đạt chuẩn: 3</i>				
	<i>Từ 70% - 90% công chức đạt chuẩn: 2</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% công chức đạt chuẩn: 1</i>				
	<i>Dưới 50% công chức đạt chuẩn: 0</i>				
5.1.3	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	3			

	<i>Trên 80% cán bộ đạt chuẩn: 3</i>				
	<i>Từ 70% - 80% cán bộ đạt chuẩn: 2</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% cán bộ đạt chuẩn: 1</i>				
	<i>Dưới 50% cán bộ đạt chuẩn: 0</i>				
5.2	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	7			
5.2.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm	3			
	<i>Ban hành kịp thời (ban hành trước hoặc trong tháng 01 của năm kế hoạch): 3</i>				
	<i>Ban hành không kịp thời (ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch): 1.5</i>				
	<i>Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch: 0</i>				
5.2.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng (thể hiện tỷ lệ số lượng cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng so với tổng số)	4			
	<i>Trên 70% số cán bộ, công chức: 4</i>				
	<i>Từ 60% - 70% số cán bộ, công chức: 3</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 60% số cán bộ, công chức: 2</i>				
	<i>Từ 40% - dưới 50% số cán bộ, công chức: 1</i>				
	<i>Dưới 40% số cán bộ, công chức: 0</i>				
5.3	Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức	4			
5.3.1	Cập nhật đầy đủ thông tin cán bộ, công chức, trên hệ thống thông tin cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh	2			
	<i>Cập nhật đầy đủ: 2</i>				
	<i>Cập nhật không đầy đủ: 0</i>				
5.3.2	Đánh giá cán bộ, công chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao	2			
	<i>Có thực hiện: 2</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
6	THỰC HIỆN CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	6			
6.1	Xây dựng và cập nhật quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công	2	Page 8		

	<i>Có triển khai xây dựng và cập nhật sửa đổi, bổ sung quy chế kịp thời theo quy định (chính sách tiền lương, phụ cấp, hội nghị, công tác phi trong nước, chi đôn, tiếp khách...): 2</i>				
	<i>Có xây dựng các quy chế trên nhưng không sửa đổi, bổ sung kịp thời theo quy định: 1</i>				
	<i>Cơ quan không xây dựng các quy chế trên: 0</i>				
6.2	Công khai và minh bạch trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định	2			
	<i>Có công khai đầy đủ, kịp thời trong việc quản lý, sử dụng tài sản công: 2</i>				
	<i>Không công khai kịp thời hoặc không minh bạch trong quản lý và sử dụng tài sản công: 0</i>				
6.3	Kết quả của việc thực hiện tự chủ về tài chính tại UBND cấp xã	2			
	<i>Có tiết kiệm tăng thu nhập: 2</i>				
	<i>Không có tiết kiệm tăng thu nhập: 0</i>				
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	12			
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính	8			
7.1.1	Tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin vào công tác chuyên môn	4			
	<i>Trên 90% cán bộ, công chức: 4</i>				
	<i>Từ 70% - 90% cán bộ, công chức: 3</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% cán bộ, công chức: 2</i>				
	<i>Dưới 50% cán bộ, công chức: 0</i>				
7.1.2	UBND cấp xã đã kết nối và sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	2			
	<i>Có kết nối và sử dụng mạng nội bộ: 2</i>				
	<i>Không có mạng nội bộ: 0</i>				
7.1.3	Tỷ lệ máy tính/cán bộ, công chức	2			
	<i>Trên 90% cán bộ, công chức có máy tính: 2</i>				
	<i>Từ 70 - 90% cán bộ, công chức có máy tính: 1.5</i>				
	<i>Từ 50 - dưới 70% cán bộ, công chức có máy tính: 1</i>				

	<i>Dưới 50% cán bộ, công chức có máy tính: 0</i>				
7.2	Áp dụng ISO vào hoạt động của cơ quan hành chính	2			
	<i>Đã áp dụng: 2</i>				
	<i>Chưa áp dụng: 0</i>				
7.3	Trụ sở của UBND cấp xã	2			
	<i>Đã xây dựng kiên cố theo quy định: 2</i>				
	<i>Chưa xây dựng kiên cố theo quy định: 0</i>				
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	18			
8.1	Ban hành quy chế hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	4			
	<i>Có ban hành: 4</i>				
	<i>Không ban hành: 0</i>				
8.2	Bố trí địa điểm, trang thiết bị cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	4			
	<i>Bố trí đảm bảo đúng quy định: 4</i>				
	<i>Bố trí chưa đầy đủ: 2</i>				
	<i>Không bố trí: 0</i>				
8.3	Thực hiện chế độ phụ cấp đối với CBCC làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định	2			
	<i>Đã thực hiện: 2</i>				
	<i>Chưa thực hiện: 0</i>				
8.4	Công tác tiếp nhận hồ sơ	3			
	<i>100% hồ sơ được thống kê vào sổ theo dõi và có viết giấy hẹn theo quy định: 3</i>				
	<i>Thực hiện không đầy đủ hoặc không thực hiện: 0</i>				
8.5	Kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Tỷ lệ trả Kết quả giải quyết TTHC đúng và trước hẹn).	2.5			
	<i>Đạt 100%: 2.5</i>				
	<i>Từ 71%- 99%: 2</i>				
	<i>Từ 61%- 70%: 1.5</i>				

	Từ 50% - 60%: 1				
	Dưới 50%: 0				
8.6	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2.5			
	Đạt 100%: 2.5				
	Từ 71%- 99%: 2				
	Từ 61%- 70%: 1.5				
	Từ 50% - 60%: 1				
	Dưới 50%: 0				
		Tổng điểm tối đa	Điểm đánh giá		
			UBND cấp xã tự đánh giá	UBND cấp huyện đánh giá	
		100			100